

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LỘC  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khiêm

Ông Phạm Văn Thấu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tiến N, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến N kết hôn vào ngày 12/11/2019 tại UBND xã Thống Kênh trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh N chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị đã cho anh N cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả, hai bên gia đình nhiều lần nói chuyện để giúp vợ chồng chị giải quyết mâu thuẫn nhưng không

thành. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, chị về quê ngoại ở thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Phạm Quỳnh C, sinh ngày 16/02/2020 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 21/02/2023. Cháu C đã chết ngày 25/8/2020, còn cháu K hiện đang ở với anh N. Chị đồng ý giao cháu K cho anh N nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Tiến N trình bày:*

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2023, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế. Do còn bận đi làm nên anh không có nhiều thời gian quan tâm đến chị H. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Bố mẹ anh cũng khuyên bảo để hai vợ chồng thay đổi nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng lại xảy ra xô xát. Khoảng tháng 9/2023, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó, anh nhắn tin đề chị H về nhưng chị H không về ở với anh. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị H xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn cũng đã trầm trọng nhưng quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì anh nghĩ đến con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn thì cháu sẽ khổ, không được sự chăm sóc trực tiếp của cả bố và mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị H trình bày. Cháu C đã chết ngày 25/8/2020, cháu K hiện đang ở với anh. Quan điểm của anh xin nuôi cháu K, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh tại UBND xã T, đại diện địa phương cung cấp:* Chị Lê Thị H và anh Phạm Tiến N đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng chỉ trong nội bộ gia đình, chưa có lần nào chính quyền địa phương phải can thiệp. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Hải Dương, không chung sống cùng anh N. Con chung của anh chị là cháu K do anh N và bố mẹ anh N nuôi dưỡng. Chị H xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị H vẫn xin ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy

định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị H** ly hôn anh **Phạm Tiến N**. Về con chung: Giao con chung là cháu **Phạm Minh K**, sinh ngày 21/02/2023 cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh **N** không yêu cầu chị **H** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết. Về án phí: Chị **H** phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị **H**, bị đơn anh **N**, đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị **H**, anh **N**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Lê Thị H** và anh **Phạm Tiến N** kết hôn vào năm 2019, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Hải Dương** trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2023, không có cuộc sống chung. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã triệu tập nhưng anh **N** đều vắng mặt, thể hiện anh **N** không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm đối với chị **H**. Anh **N** không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị **H** ly hôn anh **N**.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị **H**, anh **N** có hai con chung là **Phạm Quỳnh C**, sinh ngày 16/02/2020 và **Phạm Minh K**, sinh ngày 21/02/2023. Cháu **C** đã chết ngày 25/8/2020 nên không phải giải quyết. Chị **H** và anh **N** cùng có quan điểm để anh **N** nuôi cháu **K**, chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh **N** là lao động tự do, có thu nhập, ở chung cùng nhà đất của bố mẹ anh **N** nên đủ điều kiện để nuôi con. Từ khi chị **H** không chung sống cùng anh **N**, cháu **K** vẫn ở với anh **N** và được nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Do vậy, cần giao cháu **K** cho anh **N** nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận

sự tự nguyện của anh **N** không yêu cầu chị **H** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **N** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị H** ly hôn anh **Phạm Tiến N**.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Phạm Minh K**, sinh ngày 21/02/2023 cho anh **Phạm Tiến N** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh **Phạm Tiến N** không yêu cầu chị **Lê Thị H** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Lê Thị H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **H** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số 0004463 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị **H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Thống Kênh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**